

ĐỀ XUẤT QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGHỊ LUẬN CỦA HỌC SINH Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Lưu Thị Trường Giang^{1,+},
Trần Thị Thanh Hà²

¹Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh;

²Trường THPT Quỳnh Lưu 2, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

+Tác giả liên hệ • Email: giangluu793776@gmail.com

Article history

Received: 16/02/2023

Accepted: 13/3/2023

Published: 20/4/2023

Keywords

Procedure, competency assessment, reading skills, grade 10, argumentative text

ABSTRACT

In the context of the comprehensive reform of the educational program, innovation of teaching methods, testing and assessment (Evaluation), the development of an evaluation process (assessment) in teaching practice is critical. However, at present, school teachers' assessment of learners' competencies still has many shortcomings. Within the scope of this article, we focus on the process of assessing the reading proficiency level of students in grade 10 according to the 2018 General Education Program using the textbooks "Connecting Knowledge to Life" in order to overcome the difficulties of teachers and students when applying the assessment process in teaching and learning reading skills, stimulating learners' initiative and self-study skills, meeting the requirements modern education and real life.

1. Mở đầu

Ngày nay, khi sự giao lưu văn hoá quốc tế gia tăng, điều kiện tiếp xúc các nguồn văn hóa được mở rộng. Bối cảnh đó, trình độ văn hoá được đánh giá bằng năng lực nắm bắt, tiếp nhận và xử lý thông tin từ các tài nguyên khác nhau. Chính vì vậy, đọc hiểu đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong cuộc sống. Theo Blake (1973), việc đọc có năm mục đích chính đó là: “đọc để học, đọc để tìm kiếm, đọc để làm điều gì đó, đọc để có niềm vui, đọc để có đánh giá nghệ thuật viết”. Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 lấy việc rèn luyện các kỹ năng giao tiếp (đọc, viết, nói và nghe) làm trục chính xuyên suốt ở ba cấp học. Trong đó, hoạt động dạy học đọc hiểu giữa vai trò chủ đạo với 60% số tiết của năm học (dạy học kỹ năng viết chiếm 25% và kỹ năng nói chỉ có 10%) với đa dạng các kiểu văn bản: văn bản văn học (VBVH), văn bản nghị luận (VBNL) và văn bản thông tin (VBTT). Ngoài ra, dạy học VBNL được bắt đầu từ lớp 6, điểm mới này của Chương trình 2018 (so với Chương trình 2006) đã khẳng định tầm quan trọng của loại hình VBNL. Theo đó, hoạt động kiểm tra, đánh giá cũng cần đảm bảo sự kết nối chặt chẽ giữa các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe; chú trọng đánh giá từng loại hình văn bản để giúp HS tiến dần đến mục tiêu trở thành một người đọc độc lập; đảm bảo phát triển phẩm chất và năng lực (Bộ GD-ĐT, 2018).

Bài báo này trình bày quy trình đánh giá năng lực đọc hiểu của HS ở lớp 10 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 dựa trên ngữ liệu sách giáo khoa bộ “Kết nối tri thức với cuộc sống” nhằm khắc phục tối đa các khó khăn của GV và HS khi ứng dụng quy trình kiểm tra, đánh giá trong dạy và học đọc hiểu văn bản, kích thích tính sẵn sàng và phát triển kỹ năng tự học của HS, đáp ứng yêu cầu giáo dục hiện đại và thực tiễn cuộc sống.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Văn bản nghị luận trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018

2.1.1. Định hướng dạy học đọc hiểu văn bản nghị luận trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018

Điểm khác biệt lớn nhất của Chương trình giáo dục phổ thông Ngữ văn 2018 so với Chương trình giáo dục phổ thông Ngữ văn 2006 là sự chuyên hướng hoàn toàn từ chú trọng truyền đạt kiến thức sang phát triển phẩm chất và năng lực. Mỗi bài học được thiết kế theo mạch các hoạt động đọc, viết, nói và nghe; đa dạng các loại hình văn bản. Trong đó, dạy học đọc hiểu VBNL bắt đầu từ năm học lớp 6 cấp THCS. Ở cấp THPT, chương trình định hướng người dạy tiếp tục phát triển các năng lực đọc hiểu VBNL đã hình thành ở cấp THCS với các yêu cầu cao hơn: phân biệt được các loại văn bản; đọc hiểu được cả nội dung tường minh và nội dung hàm ẩn của văn bản,... Chương trình quy định yêu cầu cần đạt cụ thể: phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản; đánh giá được mức độ phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản; đánh giá nội dung với tư duy phê phán; nhận biết được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết; đánh giá được quan điểm của tác giả; phân tích được các yếu tố biểu đạt, các biện pháp nghệ thuật, các thao tác nghị luận có trong văn bản;

phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội; biết đánh giá, phê bình văn bản dựa trên trải nghiệm và quan điểm của bản thân,... (Bộ GD-ĐT, 2018).

2.1.2. Đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản nghị luận theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018

Đánh giá hoạt động đọc hiểu VBNL của HS theo nguyên tắc đảm bảo các yêu cầu đánh giá của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và bám sát đặc trưng của loại hình VBNL. Theo đó, GV tập trung vào yêu cầu HS hiểu nội dung, chủ đề của văn bản, quan điểm và thái độ của người viết; xác định các đặc điểm thuộc về phương thức biểu đạt, thao tác lập luận; trả lời các câu hỏi theo những cấp độ tư duy khác nhau; lập luận, giải thích cho cách hiểu của mình; đánh giá về những vấn đề được đặt ra trong văn bản dựa trên trải nghiệm và quan điểm của bản thân.

2.2. Phân loại quy trình đánh giá năng lực học sinh trong dạy học đọc hiểu

(1) Quy trình đánh giá năng lực đọc hiểu VBNL:

- *Xác định mục đích đánh giá:* Mục đích đánh giá phản ánh mức độ đạt chuẩn quy định trong chương trình. Chuẩn ở đây không đơn thuần là kiến thức, kỹ năng, thái độ mà kiến thức, kỹ năng, thái độ đó đã được “chuyên hóa” thành phẩm chất và năng lực của HS, thông qua các hoạt động thực tiễn (thí nghiệm, thực hành, vận dụng kiến thức, xử lý tình huống...).

- *Xác định chuẩn đánh giá:* Chuẩn đánh giá được xây dựng trên cơ sở mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học. Chuẩn đánh giá là bảng đo lường theo nhiều mức cho nhiều đối tượng HS, chuẩn đánh giá chỉ bao quát những kiến thức, kỹ năng cốt lõi để hình thành năng lực ở mỗi môn học/ bài học. Những kiến thức, kỹ năng cốt lõi thường là những kiến thức, kỹ năng đã tích hợp trong nó những kiến thức, kỹ năng khác không phải là cốt lõi. Ví dụ chuẩn đánh giá môn Ngữ văn được xác định gồm 4 kỹ năng đọc, viết, nói, nghe. Trên cơ sở xác định các kỹ năng cùng mạch nội dung được công bố trong chương trình, GV xác lập các tiêu chí đánh giá từng nội dung trong chuẩn, xác lập chỉ số đánh giá ở từng tiêu chí. Chỉ số đánh giá là sự cụ thể hóa tiêu chí đánh giá thành từng mức độ cụ thể có thể đo được hoặc đếm được, quan sát được. Khi đã có chỉ số đánh giá thì mới có thể biên soạn công cụ đánh giá dựa trên các chỉ số.

- *Thiết kế những công cụ đánh giá và tiêu chí/thang đánh giá:* Cần chọn công cụ đánh giá phù hợp với từng nội dung: những nội dung thuộc về nhận thức cần chọn công cụ đánh giá nhận thức (công cụ đánh giá nhận thức thường được thiết kế theo 6 cấp độ: biết, hiểu, vận dụng, phân tích và tổng hợp, đánh giá, sáng tạo), những nội dung thuộc về kỹ năng cần chọn những công cụ đánh giá kỹ năng (công cụ đánh giá kỹ năng gồm kỹ năng đọc, viết, nói, nghe). Ở từng kỹ năng xây dựng các tiêu chí đánh giá, có mô tả mức độ thành thạo của HS ở từng tiêu chí. Có nhiều loại công cụ đánh giá kỹ năng như: phiếu quan sát, bảng kiểm, ý kiến phản hồi... Mỗi công cụ đánh giá kỹ năng thường bao gồm: + Bảng tiêu chí đánh giá và mô tả các mức độ thành thạo của từng tiêu chí (rubric của câu hỏi/đề kiểm tra); + Bảng hướng dẫn chấm điểm gồm trọng số điểm cho từng tiêu chí và số điểm cụ thể cho từng mức độ thành thạo). Trên thực tế, có thể tích hợp 2 bảng này thành một bảng (rubric câu hỏi/đề kiểm tra).

- *Tổ chức thực hiện đánh giá:* Sau khi có bộ công cụ và tiêu chí đo lường, GV có thể triển khai đánh giá thử bằng bộ công cụ này trên một số lượng HS hạn chế (10-15 HS). Phải dùng kết quả thử này để điều chỉnh bộ công cụ cho phù hợp trước khi đưa ra thực hiện đánh giá đại trà.

- *Xử lý kết quả đánh giá:* Mục đích của việc xử lý kết quả đánh giá là xác định được mức độ phát triển năng lực của HS sau mỗi giai đoạn học tập; chỉ ra mối liên hệ giữa phát triển năng lực với độ khó của nhiệm vụ hoặc bài tập mà HS đã hoàn thành. Kết quả đánh giá cần được xử lý về mặt định tính (nhận xét, phân loại) và về mặt định lượng (biểu đồ, đường biểu diễn) để cung cấp một bức tranh toàn cảnh về sự phát triển năng lực của HS trong quá trình dạy học.

- *Phản hồi thông tin đến HS và các đối tượng liên quan:* Trong quá trình dạy học ở trường phổ thông, đánh giá có chức năng cung cấp những thông tin “ngược” đến HS và các đối tượng liên quan (GV, CBQL, phụ huynh...). Nhờ những thông tin “ngược” này mà HS tự điều chỉnh hoạt động học; GV tự điều chỉnh hoạt động dạy; CBQL tự điều chỉnh hoạt động quản lý; phụ huynh tự điều chỉnh sự quan tâm, giúp đỡ con cái trong học tập, rèn luyện... Để đánh giá có thể phản hồi thông tin đến HS và các đối tượng liên quan, bản thân nó phải được công khai hóa và phải dựa trên những tiêu chí cụ thể, tường minh, có thể đo đếm được (Đỗ Ngọc Thống và cộng sự, 2022).

(2) *Quy trình thực hiện đánh giá năng lực đọc hiểu VBNL:* quy trình này chính là sự triển khai chặt chẽ của bước 4 trong quy trình (1) nói trên.

Bài báo này tập trung làm rõ quy trình thực hiện đánh giá năng lực đọc hiểu VBNL trên lớp của GV và HS. Quy trình này gồm các bước như sau: (1) Thông tin về công cụ/ tiêu chí đánh giá; (2) Đối chiếu kết quả thực hiện nhiệm vụ/ sản phẩm học tập với yêu cầu; (3) Tự nhận xét của HS; (4) Đánh giá của GV.

2.3. Đề xuất quy trình đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản nghị luận của học sinh

2.3.1. Cơ sở đề xuất quy trình đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản nghị luận của học sinh

Khi tập trung nghiên cứu/ đề xuất quy trình thực hiện đánh giá năng lực đọc hiểu VBNL của HS, chúng tôi dựa vào một số căn cứ có tính quyết định như sau: - Mục tiêu, yêu cầu cần đạt về năng lực đã quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Bộ GD-ĐT, 2018); - Định hướng đánh giá kết quả giáo dục của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 (Bộ GD-ĐT, 2018); - Yêu cầu cần đạt về đọc hiểu VBNL trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 (Bộ GD-ĐT, 2018); - Quy trình dạy học đọc hiểu VBNL và đánh giá năng lực HS (Bộ GD-ĐT, 2018; Betty, 2019; Đỗ Ngọc Thống và cộng sự, 2022).

2.3.2. Thông tin về công cụ/ tiêu chí đánh giá

Thông tin về công cụ/ tiêu chí đánh giá trước hoặc sau mỗi hoạt động học tập của HS là thao tác hết sức quan trọng đảm bảo rằng các em có thể hiểu được cách thức đánh giá của GV, công cụ đánh giá nào GV sẽ sử dụng, hơn thế, việc thông tin cho HS về công cụ/ tiêu chí đánh giá có tác dụng định hướng việc tự đánh giá/ tự học dễ dàng hơn cho HS. GV thông tin về công cụ đánh giá, quy trình sử dụng công cụ và các tiêu chí đánh giá, cơ sở của việc thiết kế các tiêu chí đánh giá... Khác với quy trình đánh giá nói chung, quy trình thực hiện đánh giá các hoạt động học tập của HS thường diễn ra ngắn, do đó lồng ghép hoạt động đánh giá sao cho diễn ra một cách tự nhiên/ thân quen với HS cũng là cả một vấn đề. Vì vậy, GV cần có kế hoạch đánh giá ngay từ đầu năm.

Ngoài ra, HS cần được làm quen, hiểu về đánh giá và yêu cầu đánh giá trong chương trình học tập của năm học. Cùng với đó, những tuần đầu của năm học, GV cũng đã phải giới thiệu một số loại công cụ đánh giá/ học tập mới giúp HS làm quen với cách học, cách tự học thông qua các công cụ ấy. Các em cần thiết được tham gia vào việc phân tích các yêu cầu cần đạt của chương trình/ lớp/ học kì, xác định mục tiêu học tập, lên kế hoạch học tập, phương pháp dạy học của GV, phương pháp học tập của bản thân cũng như việc thử sức xây dựng một số công cụ đánh giá trên cơ sở các yêu cầu cần đạt đã xác định. Những việc làm này nếu được diễn ra từ những ngày đầu của cấp học/ năm học thì sẽ tránh được rất nhiều khó khăn/ áp lực học tập/ tham gia đánh giá của các em. Vì được làm quen với các công cụ đánh giá trước đó nên trong mỗi tiết học trên lớp, trước khi tổ chức hoạt động học tập cho HS, GV không cần mất quá nhiều thời gian để thông tin về đánh giá/ công cụ đánh giá/ tiêu chí đánh giá.

2.3.3. Đối chiếu kết quả thực hiện nhiệm vụ - sản phẩm học tập với yêu cầu

Quá trình báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chi thực sự có ý nghĩa khi GV dành được thời gian cho HS nhìn nhận lại những gì vừa làm, đối chiếu kết quả thực hiện nhiệm vụ - sản phẩm học tập với yêu cầu của GV. Việc tự đánh giá ở HS là hoạt động gồm nhiều giai đoạn: hình thành, thực hành, tăng cường và mở rộng. Và như vậy, khi đã quen với việc phải tự đối chiếu những gì mình/ nhóm làm được với tiêu chí/ yêu cầu, HS sẽ hình dung được cách tự học theo "lối mòn thân quen" từ các đánh giá, các bước trong quy trình này nếu cứ được lặp đi lặp lại sẽ tạo phản xạ tốt cho HS (Dewey, 2017). GV có thể giới thiệu cho HS một số công cụ đánh giá trong những hoạt động học tập mang tính bền vững như hoạt động đọc văn bản; hoạt động khám phá đặc trưng thể loại; khám phá khả năng lập luận.

Bảng 1. Đánh giá kinh nghiệm đọc

Tiêu chí	Có	Không
Đọc hơn 1 lần văn bản		
Chú ý thể đọc		
Có ghi chép/ lưu ý riêng sau đọc		

Bảng 2. "Lục soát" kinh nghiệm đọc

Tiêu chí	Có	Không
Ghi chú tức thì		
Phác họa tức thì		
Đọc nhanh các văn bản		
Soát nhanh văn bản cũ		

Bảng 3. Tự đánh giá năng lực đọc hiểu VBNL

Yêu cầu đọc	Không	Đôi khi	Luôn luôn
Có thể nêu ý chính của văn bản			
Chứng minh ý chính bằng một số lí lẽ, dẫn chứng trong văn bản			
Thảo luận về vấn đề nêu trong văn bản			
Xác định được yếu tố nghệ thuật nghị luận			

Sử dụng chiến lược: đọc lại, đọc chậm, đọc theo gợi ý thể đọc bên phải văn bản			
Nghĩ về cách sắp xếp luận điểm của tác giả, mối quan hệ giữa chúng			
Đọc văn bản để tìm hiểu những điều	em thích		
	GV yêu cầu		
	bài học yêu cầu		
Thảo luận và so sánh với các VBNL khác			

Bảng 4. Rubric đánh giá kết quả đọc - viết

Tiêu chí	Cần cố gắng (0 - 4 điểm)	Đã làm tốt (5 - 7 điểm)	Rất xuất sắc (8 - 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm - Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả - Sai lỗi chính tả - Sai kết cấu đoạn	2 điểm - Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu - Trình bày cẩn thận - Chuẩn kết cấu đoạn - Không có lỗi chính tả	3 điểm - Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu - Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn - Không có lỗi chính tả - Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 - 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 - 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 - 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm - Nội dung đúng, đủ và trọng tâm - Có ít nhất 1 - 2 ý mở rộng nâng cao - Có sự sáng tạo
Điểm Tổng			

2.3.4. Tự nhận xét của học sinh

Tiếp theo bước đối chiếu sẽ là các nhận xét của chính HS, GV lúc này đóng vai trò là một “thính giả tích cực”. HS dựa trên các dữ liệu về công cụ và tiêu chí đánh giá mà GV đã thông tin ở bước một để tự đưa ra những nhận xét mặt được, mặt chưa được, mức độ đạt đến và tự vấn về đích đến của mình. Việc tự nhận xét của HS cần tính một chiến lược lâu dài, đảm bảo đủ thời gian và niềm hứng thú của HS. GV cần bố trí những “khoảng giải lao” ngắn để HS có thời gian xem lại các mô tả để hình dung được mức độ mình đang dừng lại (Oakley et al., 2022).

Bảng 5. Bảng tự nhận xét của HS

Tên HS/ nhóm HS thực hiện nhiệm vụ:	Tên HS/ nhóm HS nhận xét:
Hoàn thành sản phẩm học tập theo các yêu cầu sau: - Xác định luận điểm chính của văn bản: ... - Em hãy thử phác thảo hệ thống luận điểm nhánh theo ý em: ...	Hãy viết nhận xét nhóm/ bạn theo gợi ý sau: - Tính chính xác của luận điểm chính: ... - Tính phù hợp giữa luận điểm chính và hệ thống luận điểm nhánh: ...

Bảng 6. Tiêu chí đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản

Tiêu chí đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản	Mức độ đạt được		
	Chưa đạt	Đạt	Sâu sắc
1. Nhận biết thể loại	Chưa nhận biết được đặc trưng thể loại.	Nhận biết được đặc trưng thể loại nhưng chưa đầy đủ.	Nhận biết rõ từng đặc trưng của thể loại.
2. Đọc/ tóm tắt	Có đọc văn bản.	Có lưu ý thể đọc.	Trả lời đúng các thể đọc. Có các suy nghĩ/ lưu ý sau đọc.
3. Ghi nhớ dẫn chứng, các chi tiết,	Không nhớ được các dẫn chứng, chi tiết, hình ảnh.	Nhớ được một số dẫn chứng, chi tiết, hình ảnh tiêu biểu.	Nhớ chính xác các dẫn chứng, chi tiết, hình ảnh đặc sắc.

hình ảnh trong văn bản			
4. Hiểu nội dung và nghệ thuật lập luận của tác giả	Hiểu hời hợt, lan man về nội dung, chưa nắm rõ nghệ thuật.	Đã hiểu nội dung, nghệ thuật văn bản nhưng chưa sâu sắc.	Hiểu sâu sắc nội dung văn bản và hiểu rõ nghệ thuật lập luận.
5. Rút ra thông điệp, tư tưởng mà tác giả gửi gắm	Không rút ra được thông điệp, tư tưởng.	Rút ra được thông điệp, tư tưởng nhưng chưa sâu sắc.	Rút ra được thông điệp, tư tưởng một cách sâu sắc.
6. Quan điểm của cá nhân về vấn đề	Chưa nói lên được quan điểm cá nhân.	Thể hiện được quan điểm cá nhân nhưng phiến diện.	Thể hiện sâu sắc quan điểm, ý kiến cá nhân.

2.3.5. Đánh giá của giáo viên

Đánh giá của GV về kiến thức, năng lực và phẩm chất và mở ra niềm tin cho HS trong các hoạt động học tập tiếp theo. Theo Maurer (2021), các lựa chọn được khám phá trên mỗi lộ trình của đánh giá, giảng dạy và học tập hiếm khi giống nhau, vì GV liên tục cải thiện tính toàn vẹn, tính hợp lệ và hiệu quả những gì họ làm. Theo đó, quy trình thực hiện đánh giá cần được hiểu rộng, đánh giá phải thực hiện ngay tại thời điểm thực tế bằng cách HS tự nhìn lại sự thay đổi của bản thân. Điều quan trọng là GV cần phát triển thành mô hình các hành vi của HS trong dạy học, cụ thể hóa mỗi hành vi thành những cấu phần kỹ năng. Các cấu phần kỹ năng (GV có thể dựa vào yêu cầu cần đạt của các lớp trong Chương trình giáo dục phổ thông trong 1 cấp học) sẽ chia ra thành các tầng bậc như: chưa biết gì - mới bắt đầu - tốt - rất tốt, hoặc chia theo đường phát triển năng lực như: dưới chuẩn - gần chuẩn - đạt chuẩn - vượt chuẩn và HS sẽ liên tục đánh giá vị trí của mình. Khung cấu hình năng lực này không phải là sự chuẩn hóa mà được lập trình theo các cá nhân HS trong thực tế GV đang giảng dạy và sẽ được phát triển thành nhiều quy trình khác nhau theo thực tế đối tượng người học tại nhiều thời điểm trong nhiều bối cảnh của việc đọc. Qua quá trình đánh giá, thu thập dữ liệu, GV mới tiến hành phân tích các kết quả đọc của HS để xem xét mức độ phát triển, mặt tồn tại để rút kinh nghiệm, xây dựng lại khung đánh giá/ quy trình đánh giá. Vì thế, có thể hiểu 4 bước trên là quy trình thực hiện đánh giá nói chung, GV còn cần phải căn cứ vào các điều kiện thực tế của bản thân và HS mình để đề xuất một quy trình phù hợp. Trong đó, quy trình đánh giá nên thể hiện được sự hỗ trợ HS ít nhất 3 khía cạnh: động lực, thành tích và tiêu chuẩn.

3. Kết luận

Đánh giá năng lực đọc hiểu VBNL của HS giúp GV có thông tin chính xác về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của HS, những tiến bộ của bản thân trong suốt quá trình học đọc VBNL để có những hỗ trợ kịp thời, điều chỉnh kế hoạch bài dạy phù hợp với kết quả đánh giá đảm bảo mục tiêu dạy học Ngữ văn nói chung và dạy học đọc hiểu VBNL nói riêng. Từ nhận thức này, bài báo đã đề xuất quy trình thực hiện đánh giá năng lực đọc hiểu VBNL của HS ở lớp 10, nêu việc thực hiện quy trình trên có hiệu quả, HS có thể có khả năng tự đánh giá năng lực đọc hiểu VBNL của mình; mặt khác, các đề xuất trong bài báo cũng gợi ra cho GV các vấn đề liên quan có ý nghĩa khác, gần gũi nhất có thể kể đến: quy trình thực hiện đánh giá năng lực đọc hiểu VBVL và VBTT. Trong bối cảnh triển khai chương trình và sách giáo khoa mới, quy trình thực hiện đánh giá năng lực đọc hiểu VBNL vừa đảm bảo cho GV tổ chức thuận lợi hoạt động, vừa tạo tiền đề cho việc tiếp cận sách giáo khoa mới lớp 11 cấp THPT trong những năm học tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

- Blake, K. A. (1973). *College reading skill*. Prentice Hall PTR.
- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bộ GD-ĐT (2022). *Ngữ văn 10* (tập 1, 2). NXB Giáo dục Việt Nam.
- Dewey, J. (2017). *Một vài suy nghĩ về giáo dục*. NXB Tri thức.
- Đỗ Ngọc Thống (tổng chủ biên), Bùi Minh Đức (chủ biên), Phạm Thị Thu Hiền (2022). *Phương pháp dạy học đọc hiểu văn bản*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Maurer, R. (2021). *Phương pháp Kaizen*. NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Oakley, B., Rogowsky, B., & Sejnowski, T. J. (Hoàng Anh Đức & Hoàng Giang Quỳnh Anh dịch) (2022). *Dạy học không theo lối mòn*. NXB Thế giới.